

Số: 2480/TB-UBND

Mê Linh, ngày 19 tháng 12 năm 2022

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Mê Linh năm 2022;

UBND huyện Mê Linh, giao Phòng Tài chính- Kế hoạch thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Mê Linh năm 2022 (theo các biểu kèm theo Thông báo này);

Hình thức công khai: Công bố trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện Mê Linh;

UBND huyện Mê Linh thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan biết và thực hiện./

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (để b/cáo);
- Đ/c CT UBND huyện (để b/cáo);
- Các đ/c PCT UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND - UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện KSND, Tòa án ND huyện;
- Các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện Mê Linh (để t/hiện);
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Khương**

Mê Linh, ngày 19 tháng 12 năm 2022

**THUYẾT MINH  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, đồng thời là năm đầu thực hiện thời kỳ ổn định 2022-2025 nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách năm 2022 và giai đoạn 2022-2025;

Để thực hiện hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đã đề ra, UBND huyện đặt ra một số nhiệm vụ trọng tâm như tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 25/01/2022 thực hiện các nhiệm vụ phát triển hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022;

Thực hiện dự toán ngân sách năm 2022, UBND huyện luôn quán triệt sâu sắc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố Hà Nội, Nghị quyết của HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022; về dự toán ngân sách địa phương và phương hướng phân bổ dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Mê Linh: số 40/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của huyện Mê Linh; số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 huyện Mê Linh; số 40/NQ - HĐND ngày 16/12/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của huyện Mê Linh; số 42/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Mê Linh năm 2022; với sự quyết liệt, đổi mới trong phương thức chỉ đạo điều hành, ngay từ đầu năm UBND huyện đã chủ động xây dựng chương trình hành động và chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp HĐND và UBND huyện giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách. Trong năm 2022, cùng với sự chủ động, tích cực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực và đồng đều ở các lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, cũng còn nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch bệnh tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống nhân dân, hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì được đà phục hồi nhưng còn tiềm ẩn khó khăn,... tác động không nhỏ đến việc thực thi các chính sách kinh tế và cân đối thu, chi ngân sách năm 2022;

Ngay từ đầu năm, Thường trực Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện đã chỉ đạo Cơ quan thuế, Tài chính, Kho Bạc, chính quyền cấp xã, thị trấn triển khai đồng bộ các giải pháp thiết thực với mục tiêu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 một cách tích cực, phấn đấu vượt mức dự toán thu NSNN được HĐND huyện giao, cụ thể các chỉ tiêu như sau:

### **A. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:** *(Chi tiết theo Biểu số 01)*

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn huyện ước đạt 8.998.000 triệu đồng, trong đó: Thu nội địa ước đạt 1.661.457 triệu đồng, bằng 198,6% dự toán Thành phố và 106,7% dự toán HĐND huyện giao, tăng 77,1% so cùng kỳ (*trong đó: thu ngân sách nhà nước được hưởng theo phân cấp ước đạt 1.086.738 triệu đồng, bằng 218,8% dự toán Thành phố giao và bằng 108,6% dự toán HĐND huyện giao, tăng 86,1% so với cùng kỳ*). Các chỉ tiêu thu như sau:

**1. Thu ngoài quốc doanh:** Ước đạt 262.560 triệu đồng, bằng 103,8% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 2,5% so cùng kỳ; ngay từ đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo Chi cục thuế có những biện pháp quyết liệt từ việc thực hiện rà soát nguồn thu, đánh giá tình hình nợ có khả năng thu, đồng thời triển khai các nhóm giải pháp, biện pháp tăng cường công tác thu phát sinh, thu hồi nợ đọng và công tác cưỡng chế đạt hiệu quả, trong đó các chỉ tiêu thu như sau:

- Thuế GTGT ước đạt 170.000 triệu đồng, bằng 112% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 15,7% so cùng kỳ;

- Thuế TNDN ước đạt 92.000 triệu đồng, bằng 91,4% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, giảm 15,4% so cùng kỳ; Nguyên nhân, do một số Doanh nghiệp trọng điểm lỗ và giảm lãi năm 2022 (*Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long, Công ty TNHH Hanwa Sime Steei Service Hà Nội, Công ty Cổ phần Bao Bì Thủ Đô, Công ty TNHH Bdy Vina, Công ty TNHH Sol C&T, Công ty cổ phần Đại Siêu Thị Mê Linh, Công ty TNHH SXCN và TM Dịch vụ Linh Sơn,...*);

- Thuế tiêu thụ đặc biệt ước đạt 160 triệu đồng, bằng 177,8% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 73,9% so cùng kỳ;

- Thuế tài nguyên ước đạt 400 triệu đồng, bằng 100% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 4,2% so cùng kỳ;

**2. Thu lệ phí trước bạ:** Ước đạt 102.000 triệu đồng, bằng 129% dự toán thành phố và HĐND huyện giao, tăng 3% so cùng kỳ, trong đó:

- Thu trước bạ nhà đất ước đạt 8.400 triệu đồng, bằng 140% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, giảm 4,9% so cùng kỳ;

- Thu trước bạ ô tô, xe máy ước đạt 93.600 triệu đồng, bằng 128% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 3,7% so cùng kỳ;

**3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Ước đạt 13.500 triệu đồng, bằng 183,7% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 61,2% so cùng kỳ; Một số

xã, thị trấn làm tốt công tác thu hồi các khoản dư nợ từ năm trước chuyển sang do đó số thu đã vượt dự toán giao;

**4. Thu thuế thu nhập cá nhân:** Ước đạt 74.000 triệu đồng, bằng 152,3% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 22,9% so cùng kỳ;

**5. Thu phí và lệ phí:** Ước đạt 35.750 triệu đồng, đạt 149,6% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 3,5% so với cùng kỳ; trong đó, phần ngân sách huyện, xã quản lý ước đạt 6.650 triệu đồng, đạt 109,9% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 23,1% so với cùng kỳ;

**6. Tiền sử dụng đất:** Ước đạt 1.022.000 triệu đồng, bằng 305,1% dự toán Thành phố và 96,9% dự toán HĐND huyện giao, tăng 178,9% so với cùng kỳ; số thu đạt kết quả cao là ngay từ đầu năm, Thường trực Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện đã chỉ đạo các ngành có liên quan tập trung công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tổ chức đấu giá, phần đấu đạt và vượt mức kế hoạch giao, trong đó:

- Thu giao đất các dự án ước đạt 200.000 triệu đồng, bằng 400% dự toán Thành phố giao và bằng 80% dự toán HĐND huyện giao;

- Thu đấu giá quyền sử dụng đất ước đạt 760.000 triệu đồng, bằng 271,4% dự toán Thành phố và 95% dự toán HĐND huyện giao, tăng 187% so với cùng kỳ;

- Thu tiền đất khác (thuế chuyển mục đích SĐĐ) ước đạt 62.000 triệu đồng, bằng 1.240% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 104% so với cùng kỳ;

**7. Thu tiền thuê đất, mặt nước:** Ước đạt 112.000 triệu đồng, bằng 186,7% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 49,2% so cùng kỳ; số thu tăng cao là do ngành thuế đã chủ động đôn đốc thu nợ cũ và thu các dự án khi hết thời kỳ gia hạn nộp tiền thuê đất theo quy định;

**8. Thu tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công:** Ước đạt 12.017 triệu đồng, bằng 216% so với cùng kỳ, chủ yếu là khoản thu nợ cũ của các dự án còn nợ từ các năm trước và một số dự án mới trong năm, khoản thu này phát sinh ngoài dự toán giao đầu năm của Thành phố và HĐND huyện;

**9. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản:** Ước đạt 3.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, giảm 0,2% so với cùng kỳ; các xã, thị trấn tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu, giao khoán quỹ đất công ích theo quy định;

**10. Thu khác ngân sách:** Ước đạt 24.630 triệu đồng, bằng 92,6% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, giảm 35,5% so cùng kỳ; trong đó, phần ngân sách huyện, xã quản lý ước đạt 14.200 triệu đồng, đạt 142% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 20,5% so với cùng kỳ;

**11. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác thu ngân sách trên địa bàn năm 2022.**

Ngành Thuế đã chủ động triển khai áp dụng đồng bộ và quyết liệt các biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu và chống thất thu ngân sách. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất và tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất thì số thu ước đạt 627.440 triệu đồng, bằng 125,1% dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, tăng 10,8% so cùng kỳ. Công tác quản lý, giám sát kê khai thuế ngày càng chặt chẽ và tạo được những chuyển biến mới;

Sự phối hợp giữa các cơ quan Thuế - Kho bạc - Tài chính và cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác quản lý thu ngân sách được tăng cường, đảm bảo thu đúng, thu đủ và huy động kịp thời các nguồn thu vào NSNN;

\* **Thuận lợi:** Công tác thu ngân sách trên địa bàn luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Cục thuế Thành phố Hà Nội, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Mê Linh, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành chuyên môn trong huyện, sự phối hợp có hiệu quả của UBND các xã thị trấn cùng với Chi cục thuế tăng cường công tác tuyên truyền, giải đáp chính sách thuế cho người nộp thuế bằng văn bản, bằng trả lời qua điện thoại hoặc giải đáp trực tiếp tại cơ quan thuế; Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính về thuế nhanh, gọn đảm bảo đúng thủ tục tạo sự đồng thuận của NNT trong việc chấp hành nghĩa vụ đối với NSNN;

\* **Khó khăn:** Do ảnh hưởng của dịch bệnh, đề kích cầu và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ổn định SXKD, Chính phủ đã ban hành các Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2022; Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 Nghị định quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ móc hoặc sơ mi rơ móc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất lắp ráp trong nước, theo đó các loại xe trên được giảm 50% lệ phí trước bạ từ ngày 01/12/2021 đến hết 31/5/2022; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 Nghị định Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tình hình kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn ảnh hưởng xấu đến thị trường xuất khẩu của một số doanh nghiệp trên địa bàn; thị trường trong nước chưa ổn định đặc biệt là các yếu tố đầu vào tăng, gây ra nhiều khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp, do đó đã ảnh hưởng đến số thu trong lĩnh vực ngoài quốc doanh;

Do sự phát triển chưa đồng đều giữa các ngành, một số doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước, số thuế kê khai phát sinh phải nộp của tháng, quý giảm so với cùng kỳ đã ảnh hưởng đến số thu ngân sách;

## **B. CHI NGÂN SÁCH:** (chi tiết tại Biểu số 02)

### **B.1. Chi ngân sách nhà nước:**

Tổng chi ngân sách nhà nước huyện Mê Linh năm 2022 ước đạt 2.777.712 triệu đồng (Trong đó ngân sách huyện ước đạt 2.582.763 triệu đồng, ngân sách xã ước đạt 194.949 triệu đồng), bằng 98,5% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 66,4% so cùng kỳ. Các khoản chi đạt được cụ thể như sau:

**I. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:** Ước đạt 1.627.570 triệu đồng (*huyện ước đạt 1.619.020 triệu đồng, xã ước đạt 8.550 triệu đồng*), bằng 97,9% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 93,6% so với cùng kỳ. Số ước thực hiện đã bao gồm thanh toán khối lượng tạm ứng năm trước là 310.817 triệu đồng;

**II. Chi thường xuyên:** Ước đạt 1.033.301 triệu đồng (*trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 850.137 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 183.164 triệu đồng*), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 33,5% so cùng kỳ, là do thực hiện định mức chi giai đoạn 2022-2025 tăng hơn định mức chi giai đoạn 2017-2021. Các chỉ tiêu chi cụ thể như sau:

**1. Chi sự nghiệp kinh tế:** Ước đạt 61.823 triệu đồng (*trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 56.023 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 5.800 triệu đồng*), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 79,8% so cùng kỳ. Việc điều hành chi đảm bảo đủ nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm;

**2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:** Ước đạt 463.119 triệu đồng, bằng 100% dự toán, tăng 19,1% so cùng kỳ. Khoản chi tăng so với cùng kỳ là do trong năm phát sinh tăng hạng, tăng hệ số lương của Cán bộ, giáo viên, nhân viên và tăng số lượng giáo viên tuyển mới. Việc điều hành chi đảm bảo đủ nguồn cho công tác giáo dục - đào tạo trên địa bàn huyện, quy mô giáo dục tiếp tục ổn định, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tăng cường;

**3. Chi SN y tế, dân số - KHH gia đình:** Ước đạt 31.635 triệu đồng (*trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 25.635 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 6.000 triệu đồng*), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 11,2% so cùng kỳ. Số chi tăng cao so với cùng kỳ là do tình hình dịch Covid-19 những tháng đầu năm 2022 diễn biến phức tạp. Việc điều hành chi đảm bảo đủ nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác y tế, dân số - KHHGD; công tác tuyên truyền, vận động, quản lý nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình được tăng cường; công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cũng như thực hiện các chương trình, mục tiêu y tế quốc gia được triển khai hiệu quả;

**4. Chi sự nghiệp môi trường:** Ước đạt 57.378 triệu đồng (*trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 55.860 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 1.518 triệu đồng*), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 131,2% so cùng kỳ. Công tác điều hành chi đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện theo hợp đồng kinh tế giữa UBND huyện với Công ty cổ phần đầu tư phát triển rau sạch Sông Hồng theo Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Mê Linh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Mê Linh giai đoạn 2021-2023 (03 năm);

**5. Chi sự nghiệp văn hóa - Thông tin:** Ước đạt 9.890 triệu đồng (*trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 8.390 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 1.500 triệu đồng*), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 18% so cùng kỳ. Công tác

điều hành chi đảm bảo đủ nguồn thực hiện các nhiệm vụ về văn hoá - TT trên địa bàn huyện, như công tác tổ chức Lễ Kỷ niệm 1982 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ mừng đảng, mừng xuân 2022, chi tuyên truyền tổ chức Lễ công bố, đón nhận huyện đạt chuẩn NTM,...

**6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao:** Ước đạt 7.356 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 5.956 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 1.400 triệu đồng), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 79,4% so với cùng kỳ. Công tác điều hành chi đảm bảo đủ nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn huyện;

**7. Chi sự nghiệp truyền thanh:** Ước đạt 4.027 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 2.536 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 1.491 triệu đồng), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 101,2% so cùng kỳ. Việc điều hành chi tại các cấp ngân sách đảm bảo đủ nguồn cho công tác tuyên truyền các chính sách, chế độ, các nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội trên địa bàn;

**8. Chi đảm bảo xã hội:** Ước đạt 161.000 triệu đồng, (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 135.000 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 26.000 triệu đồng), bằng 100% dự toán, tăng 49,3% so với cùng kỳ. Số chi tăng so với cùng kỳ là do tăng số lượng các đối tượng bảo trợ xã hội và thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Các khoản chi đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng theo quy định và chi đảm bảo các chính sách an sinh;

**9. Chi quản lý hành chính:** Ước đạt 182.653 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 65.183 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 117.470 triệu đồng), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 17,6% so cùng kỳ. Việc điều hành chi đảm bảo đủ nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội trên địa bàn huyện;

**10. Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định:** Ước đạt 5.747 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 3.850 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 1.897 triệu đồng), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 27,9% so với cùng kỳ;

**11. Chi khác ngân sách:** Ước đạt 8.464 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 6.075 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 2.389 triệu đồng), bằng 100% dự toán (sau điều chỉnh), tăng 58% so cùng kỳ. Chủ yếu là các khoản chi hỗ trợ cho các cơ quan tư pháp, cơ quan hiệp quản đóng trên địa bàn huyện thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện và các nhiệm vụ chi khác;

**12. Chi quản lý, vận hành trụ sở làm việc của các cơ quan:** Ước đạt 2.654 triệu đồng, bằng 100% dự toán;

**III. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách:** Ước đạt 31.016 triệu đồng, (trong đó: Ngân sách huyện ước đạt 28.307 triệu đồng; Ngân sách xã ước đạt 2.709 triệu đồng), dùng để chi công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

#### **IV. Chi từ kinh phí bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu, chính sách của Thành phố:**

Tổng chi năm 2022 từ nguồn bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu, chính sách của Thành phố, ước đạt 74.765 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện ước đạt 74.239 triệu đồng, ngân sách cấp xã ước đạt 526 triệu đồng), bằng 100% dự toán;

##### **B.2. Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách:**

###### **1. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới**

Ước đạt 144.461 triệu đồng, bằng 100% dự toán, tăng 7,6% so cùng kỳ, trong đó bổ sung cân đối 119.403 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu 25.058 triệu đồng. Số chi tăng so với cùng kỳ là do tăng định mức chi so với năm 2021. Việc chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo theo đúng quy định của Thành phố;

###### **2. Chi nộp ngân sách cấp trên:**

Chi hoàn trả ngân sách cấp trên các nguồn kinh phí chương trình mục tiêu hết nhiệm vụ chi với số tiền 11.060 triệu đồng;

##### **Đánh giá chi ngân sách:**

Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ Kinh tế - Chính trị - Xã hội của huyện, đồng thời đảm bảo kịp thời các khoản chi chế độ cho cán bộ công chức, viên chức trực thuộc, chi công tác phòng, chống dịch covid-19. Việc điều hành chi được bám sát nhiệm vụ theo Nghị quyết HĐND đã giao, mọi khoản chi phát sinh phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện đều được Thường trực HĐND huyện thông qua;

Việc điều hành chi ngân sách tại các xã, thị trấn đảm bảo thực hiện tốt thứ tự ưu tiên các khoản chi mà Luật ngân sách đã đề ra, không để xảy ra tình trạng nợ lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của cán bộ, đáp ứng kịp thời nguồn kinh phí phòng, chống dịch covid-19 và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trên địa bàn;

Trên đây là thuyết minh kết quả tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2022./.

##### **Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (để b/cáo);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (để b/cáo);
- Ban chấp hành Đảng bộ huyện (để b/cáo);
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn (để t/hiện);
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc huyện (để t/hiện);
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khương**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN MÊ LINH NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

| STT       | NỘI DUNG   | Dự toán năm      | Thực hiện năm 2022 | So sánh ước thực hiện với (%) |                   |
|-----------|--|------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|
|           |  |                  |                    | Dự toán năm                   | Cùng kỳ năm trước |
| A         | B  | 1                | 2                  | 3=2/1                         | 4                 |
| <b>A</b>  | <b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>                                | <b>1.556.540</b> | <b>2.122.374</b>   | <b>136,35</b>                 | <b>170,13</b>     |
| <b>I</b>  | <b>Thu cân đối NSNN</b>  | <b>1.556.540</b> | <b>1.664.246</b>   | <b>106,92</b>                 | <b>177,09</b>     |
| 1         | Thu nội địa  | 1.556.540        | 1.664.246          | 106,92                        | 177,09            |
| 2         | Thu viện trợ   |                  |                    | -                             |                   |
| <b>II</b> | <b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>                       |                  | <b>458.128</b>     |                               | <b>148,86</b>     |
| <b>B</b>  | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>  | <b>2.809.037</b> | <b>2.766.652</b>   | <b>98,49</b>                  | <b>167,47</b>     |
| <b>I</b>  | <b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>                                | <b>2.279.572</b> | <b>2.237.187</b>   | <b>98,14</b>                  | <b>162,15</b>     |
| 1         | Chi đầu tư phát triển  | 1.208.355        | 1.172.870          | 97,06                         | 194,21            |
| 2         | Chi thường xuyên   | 1.033.301        | 1.033.301          | 100,00                        | 139,97            |
| 3         | Dự phòng ngân sách   | 37.916           | 31.016             | 81,80                         | 82,61             |
| <b>II</b> | <b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>                 | <b>529.465</b>   | <b>529.465</b>     | <b>1,51</b>                   | <b>194,41</b>     |
| 1         | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh giao đầu năm           | 477.962          | 477.962            | 6,83                          | 175,50            |
| 2         | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh giao bổ sung trong năm | 51.503           | 51.503             | 7,83                          |                   |

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

| STT      | NỘI DUNG  | Dự toán năm      | Thực hiện năm 2022 | So sánh ước thực hiện với (%) |                   |
|----------|---|------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|
|          |   |                  |                    | Dự toán năm                   | Cùng kỳ năm trước |
| A        | B   | 1                | 2                  | 3=2/1                         | 4                 |
| <b>A</b> | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>                       | <b>1.556.540</b> | <b>1.664.246</b>   | <b>106,92</b>                 | <b>177,09</b>     |
| <b>I</b> | <b>Thu nội địa</b>                                      | <b>1.556.540</b> | <b>1.664.246</b>   | <b>106,92</b>                 | <b>177,09</b>     |
| 1        | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước                    |                  | 1.117              |                               | 129,52            |
| 2        | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài    |                  | 1.672              |                               | 235,67            |
| 3        | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh                 | 252.990          | 262.560            | 103,78                        | 102,50            |
|          | - Thuế giá trị gia tăng                                 | 151.800          | 170.000            | 111,99                        | 115,68            |
|          | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                | 90               | 160                | 177,78                        | 173,91            |
|          | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 100.700          | 92.000             | 91,36                         | 84,62             |
|          | - Thuế tài nguyên                                       | 400              | 400                | 100,00                        | 104,17            |
|          | - Thu khác NQD  |                  |                    |                               |                   |
|          | - Thuế môn bài  |                  |                    |                               |                   |
| 4        | Thuế thu nhập cá nhân                                   | 48.600           | 74.000             | 152,26                        | 122,91            |
| 5        | Thuế bảo vệ môi trường                                  |                  |                    |                               |                   |
| 6        | Lệ phí trước bạ   | 79.100           | 102.000            | 268,04                        | 102,97            |
|          | - Lệ phí trước bạ nhà đất                               | 6.000            | 8.400              | 140,00                        | 95,07             |
|          | - Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền              | 73.100           | 93.600             | 128,04                        | 103,75            |
| 7        | Thu phí, lệ phí   | 23.900           | 35.750             | 149,58                        | 136,52            |
|          | <i>Trong đó: Phần QH, xã, thị trấn quản lý</i>          | <i>6.050</i>     | <i>6.650</i>       | <i>109,92</i>                 | <i>123,13</i>     |
| 8        | Các khoản thu về nhà, đất                               | 1.122.350        | 1.159.517          | 103,31                        | 254,61            |
|          | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp                          |                  |                    |                               |                   |
|          | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                      | 7.350            | 13.500             | 183,67                        | 161,16            |
|          | - Thu tiền sử dụng đất                                  | 1.055.000        | 1.022.000          | 96,87                         | 278,91            |
|          | - Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước                      | 60.000           | 112.000            | 186,67                        | 149,25            |
|          | - Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước |                  |                    |                               |                   |
|          | - Thu tiền đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất          |                  | 12.017             |                               | 215,98            |
| 9        | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết                       |                  |                    |                               |                   |
| 10       | Thu khác ngân sách                                      | 26.600           | 24.630             | 92,59                         | 64,55             |
|          | <i>Trong đó: Phần QH, xã, thị trấn quản lý</i>          | <i>10.000</i>    | <i>14.200</i>      | <i>142,00</i>                 | <i>120,48</i>     |

| STT | NỘI DUNG  | Dự toán năm      | Thực hiện năm 2022 | So sánh ước thực hiện với (%) |                   |
|-----|---|------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|
|     |   |                  |                    | Dự toán năm                   | Cùng kỳ năm trước |
| A   | B   | 1                | 2                  | 3=2/1                         | 4                 |
| 11  | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác      | 3.000            | 3.000              | 100,00                        | 99,83             |
| II  | Thu viện trợ  |                  |                    | -                             |                   |
| B   | <b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b> | <b>1.000.781</b> | <b>1.086.738</b>   | <b>108,59</b>                 | <b>186,10</b>     |
| 1   | Từ các khoản thu phân chia                          | 834.881          | 822.971            | 98,57                         | 481,68            |
| 2   | Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%       | 165.900          | 263.767            | 158,99                        | 63,85             |

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | NỘI DUNG   | Dự toán năm      | Thực hiện năm 2022 | So sánh ước thực hiện với (%) |                   |
|------------|--|------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|
|            |  |                  |                    | Dự toán                       | Cùng kỳ năm trước |
| A          | B  | 1                | 2                  | 3=2/1                         | 4                 |
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>  | <b>2.809.037</b> | <b>2.766.652</b>   | <b>98,5</b>                   | <b>167,5</b>      |
| <b>A</b>   | <b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>   | <b>2.279.572</b> | <b>2.237.187</b>   | <b>98,1</b>                   | <b>162,2</b>      |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>   | <b>1.208.355</b> | <b>1.172.870</b>   | <b>97,1</b>                   | <b>194,2</b>      |
| 1          | Chi đầu tư cho các dự án   | 1.208.355        | 1.172.870          | 97,1                          | 194,2             |
| 2          | Chi đầu tư phát triển khác   |                  |                    |                               |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>  | <b>1.033.301</b> | <b>1.033.301</b>   | <b>100,0</b>                  | <b>140,0</b>      |
|            | <i>Trong đó:</i>   |                  |                    |                               |                   |
| 1          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề   | 463.119          | 463.119            | 100,0                         | 119,1             |
| 2          | Chi khoa học và công nghệ  |                  |                    |                               |                   |
| 3          | Chi y tế, dân số và gia đình   | 31.635           | 31.635             | 100,0                         | 124,4             |
| 4          | Chi văn hóa thông tin  | 9.890            | 9.890              | 100,0                         | 118,0             |
| 5          | Chi phát thanh, truyền hình  | 4.027            | 4.027              | 100,0                         | 201,2             |
| 6          | Chi thể dục thể thao   | 7.356            | 7.356              | 100,0                         | 179,4             |
| 7          | Chi bảo vệ môi trường  | 57.378           | 57.378             | 100,0                         | 231,2             |
| 8          | Chi hoạt động kinh tế  | 61.823           | 61.823             | 100,0                         | 179,8             |
| 9          | Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể                     | 191.054          | 191.054            | 100,0                         | 153,7             |
| 10         | Chi bảo đảm xã hội   | 161.000          | 161.000            | 100,0                         | 157,9             |
| 11         | Chi khác   | 8.464            | 8.464              | 100,0                         | 252,2             |
| <b>III</b> | <b>Dự phòng ngân sách</b>  | <b>37.916</b>    | <b>31.016</b>      | <b>81,8</b>                   | <b>82,6</b>       |
| <b>B</b>   | <b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>                    | <b>529.465</b>   | <b>529.465</b>     | <b>100,0</b>                  | <b>194,4</b>      |
| 1          | Chương trình mục tiêu quốc gia   |                  |                    |                               |                   |
| 2          | Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư                                 | 454.700          | 454.700            | 100,0                         | 192,0             |
| 3          | Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên                               | 74.765           | 74.765             | 100,0                         | 210,4             |
| 3.1        | <i>Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên giao đầu năm</i>           | 23.262           | 23.262             | 100,0                         | 83,4              |
| 3.2        | <i>Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên giao bổ sung trong năm</i> | 51.503           | 51.503             | 100,0                         | 674,3             |